

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày: 15/03/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tấn Thành

2/ Ông Trần Thị Phương Linh – Bí thư Đoàn phường Xuân Phú

Thư ký phiên toà: Ông Lò Nhật Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà: Ông Trịnh Ngọc Tài – Kiểm sát viên

Hôm nay lúc 08 giờ 00 phút ngày 15 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/HSST-QĐ ngày 02 tháng 03 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Phạm Chí D (tên gọi khác không có), sinh ngày 01/11/2001 tại thị xã SC, tỉnh Phú Yên, Nơi cư trú : KP.CB, P.XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên ; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân Tộc: Kinh; Con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị P; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không, bị cáo tại ngoại có mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo D: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1969 (là cha đẻ của bị cáo D). Có mặt

2. Nguyễn Đình T (tên gọi khác không có), sinh ngày 06/11/2000; tại thị xã SC, tỉnh Phú Yên, Nơi cư trú.CB, P.XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên ; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân Tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Đình D và bà Võ Thị T; Chưa có vợ, con, tiền án, tiền sự. không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1962 (là cha đẻ của bị cáo T). có mặt

Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Chí D và bị cáo Nguyễn Đình T có ông : Nguyễn Hương Quê – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt

Người bị hại: Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: KP.MT, P.XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên.
Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do ảnh hưởng của cơn bão số 12, khu vực thị xã Sông Cầu bị mất điện nên khoảng 17 giờ ngày 15/11/2017, Phạm Chí D mang chiếc Ipad của mình đến cửa hàng xăng dầu “Đức Thanh” tại khu phố CB, P.XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên để sạc pin từ máy phát điện rồi D đến trụ sở khu phố CB, phường XT gặp Nguyễn Đình T. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rủ T đến cửa hàng xăng dầu “Đức Thanh” để lấy trộm điện thoại bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý và bảo D đi lấy trộm điện thoại, do sợ phát hiện nên T không đi cùng với D. D đi xe đạp đến cửa hàng xăng dầu “Đức Thanh” tại đây D thấy anh Võ Văn thông là nhân viên của cửa hàng D hỏi anh Thông để lấy chiếc Ipad của mình đang sạc thì được anh Thông đồng ý. D vào bên trong cửa hàng xăng dầu lấy chiếc Ipad của mình thì D thấy có một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màn hình cảm ứng của chị Nguyễn Thị Anh Đ đang cắm sạc tại đây, D lén lút lấy chiếc điện thoại di động rồi đến trụ sở khu phố Chánh Bắc gặp T. D lấy chiếc điện thoại trộm cắp được đưa cho T cất giấu. T cầm điện thoại rồi tháo sim và thẻ nhớ ra đưa cho D rồi bỏ điện thoại vào túi quần, cả hai bàn bạc đi bán điện thoại lấy tiền chia nhau tiêu xài nhưng do không mượn được xe nên T đem điện thoại cất giấu. Sau khi sự việc bị phát hiện thì T đem điện thoại trên giao nộp cho Công an, riêng thẻ nhớ, ốp lưng và sim điện thoại thì D vứt tại trụ sở khu phố Chánh Bắc.

Theo Kết luận định giá số 57/KL-HĐĐG ngày 15/11/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 điện thoại Sam sung Galaxy J7 của chị Nguyễn Thị Anh Đ có giá trị 3.000.000đ (BL16).

Vật chứng vụ án: - 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G đã qua sử dụng (tất cả cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Anh Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Phạm Chí D và Nguyễn Đình T bồi thường thiệt hại gì thêm.

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo Phạm Chí D và Nguyễn Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Chí D, Nguyễn Đình T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu đã truy tố.

Người bào chữa cho các bị cáo D, T xác định hành vi lén lút trộm tài sản của bị cáo D cũng như hành vi đồng ý và cất giấu tài sản tài sản trộm cắp của bị cáo T là đồng phạm, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng, không oan gì cho các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo D từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ là đúng. Tuy nhiên bị cáo D khi nảy sinh ý định và trực tiếp trộm tài sản thì ở đó còn nhiều tài sản khác, nhưng chỉ lấy 01 máy di động cũng như bị cáo T khi bị phát hiện đã đem tài sản trộm giao nộp ngay cho cơ quan công an. Các bị cáo lúc phạm tội cho đến khi xét xử còn ở tuổi vị thành niên, thời gian tại ngoại chấp hành tốt pháp luật, không vi phạm gì, bị hại lại xin miễn trách nhiệm hình sự ngay từ khi nhận lại tài sản. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 29 BLHS năm 2015 miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, Quá trình điều tra, truy tố bị hại đã xác định điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 là tài sản của bị hại bị mất vào khoảng 19 giờ ngày 05/11/2017 tại cửa hàng xăng dầu “Đức Thanh” thuộc KP Dân Phước, P. Xuân Thành đã được cơ quan công an thị xã Sông Cầu trao trả lại đầy đủ, nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Phạm Chí D, Nguyễn Đình T thừa nhận do bị ảnh hưởng cây bảo số 12, nên ở khu vực nhà bị cáo chưa có điện, vì vậy khoản 17 giờ ngày 05/11/2017 bị cáo Phạm Chí D đem Ipad của mình đến cửa hàng xăng dầu “Đức Thanh” xin sạc pin thì phát hiện ở đây có nhiều điện thoại đang sạc pin, sau đó đến trụ sở khu phố CB, phường XT gặp bị cáo Nguyễn Đình T rủ T đến cửa hàng xăng dầu “Đức Thanh” trộm cắp điện thoại di động T đồng ý, nhưng không đi cùng D. Do đó D đi một mình trộm điện thoại và đưa cho T cất giấu để bán chia nhau tiêu xài. giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và tài liệu chứng cứ khác. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo: Phạm Chí D, Nguyễn Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46, Điều 69 BLHS năm 1999 và Điều 36, Điều 100 BLHS năm 2015 cho cả hai bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Đình T còn áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, Xử phạt bị cáo Phạm Chí D từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho 2 bị cáo. Giao bị cáo Phạm Chí D và bị cáo Nguyễn Đình T cho UBND P. XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về vật chứng vụ án: Đã trả lại chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối cải việc bị cáo đã làm và xin hứa sau này không giám vi phạm pháp luật và đồng thời xin được giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Phạm Chí D, Nguyễn Văn T có đủ năng lực và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo biết rõ trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị xử lý theo quy định. Nhưng vì để có tiền tiêu xài cá nhân mà lén lút trộm tài sản của bị hại Nguyễn Thị Anh Đ. Giá trị tài sản ở vào thời điểm các bị cáo chiếm đoạt là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

[3] Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, của người bị hại, người làm chứng thời gian, không gian, địa điểm, tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của các bị cáo Phạm Chí D, Nguyễn Đình T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Luật hình sự bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Nên cần xử lý đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên xét các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong đó bị cáo T sau khi sự việc bị phát hiện đã tự nguyện đem giao nộp lại tài sản trộm cắp cho cơ quan điều tra, các bị cáo lúc phạm tội cho đến khi xét xử còn ở tuổi người chưa thành niên (Trên 16- dưới 18 tuổi) , giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn, được bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội và có nơi cư trú rõ ràng, từ trước

cho đến khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự. Lúc phạm tội bị cáo Phạm Chí D mới 16 tuổi 14 ngày, bị cáo Nguyễn Đình T 17 tuổi 09 ngày, nên không nhất thiết cách ly ra khỏi xã hội để tạo điều kiện cho các bị cáo tự sửa chữa sai lầm, phát triển bình thường trở thành người tốt.

[5] Do đó quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 28/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Không oan gì cho bị cáo.

[6] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46, Điều 69 BLHS năm 1999 và Điều 36, Điều 100 BLHS năm 2015 cho cả hai bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Đình T còn áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 để xử phạt bị cáo Phạm Chí D từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao bị cáo Phạm Chí D và bị cáo Nguyễn Đình T cho UBND P. XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 75 Luật thi hành án hình sự.

[7] Xét lời đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Phạm Chí D và Nguyễn Đình T cho rằng hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đã cấu thành tội phạm, Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, nhưng hành vi của các bị cáo đến khi xét xử đã không còn nguy hiểm nữa. Nên cần áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 để miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là chưa có căn cứ. Bởi lẽ mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự. Nhưng ngoài hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, còn gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vụ án có 02 bị cáo và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn: Bị cáo Phạm Chí D là người rủ rê đồng thời cũng là người trực tiếp trộm cắp máy di động đưa bị cáo T cất giữ, nhằm tìm nơi bán để tiêu xài cá nhân, nên xử lý bị cáo với mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS, nên giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo T tuy không trực tiếp thực hiện tội phạm cùng với bị cáo D, nhưng khi được bị cáo D rủ trộm tài sản để bán tiêu xài thì đồng ý ngay và khi được bị cáo D đưa tài sản trộm cắp thì nhận để cất giấu nhằm bán cùng tiêu xài, mức độ tham gia không tích cực hơn nữa khi bị phát hiện bị cáo đã tự đem tài sản giao nộp cho cơ quan công an. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS để xử phạt nhẹ hơn bị cáo D.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản bị mất không có yêu cầu bồi thường gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: đã trả lại cho chủ sở hữu nên HĐXX không xét

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Chí D và bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46, Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 36, 100 BLHS năm 2015 cho cả 02 bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Đình T còn áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Phạt: Bị cáo Phạm Chí D 09 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bị cáo Nguyễn Đình T 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối cả 02 bị cáo tính từ ngày UBND phường XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên nhận được quyết định thi hành bản án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Giao các bị cáo Phạm Chí D và bị cáo Nguyễn Đình T cho Ủy ban nhân dân phường XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên để giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường XT, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 75 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ tài sản không yêu cầu gì thêm, nên không xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Chí D, Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên
- VKSND Tx. Sông Cầu
- Chi cục THADS TX Sông Cầu
- Các bị cáo
- Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ Toạ phiên toà

Trần Văn Tôn